

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tp. Hồ Chí Minh - Tháng 03 năm 2013

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 6 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 11 tháng 11 năm 2010 về tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện pháp luật.

Trụ sở chính: Số 13A, Tống Văn Trân, phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: NPS.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Chủ tịch
Ông Đỗ Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Lan	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Trọng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Ủy viên

Các thành viên Ban kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi	Thành viên
Ông Vũ Thành Hoan	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Hải	Giám đốc
Bà Tống Thị Thủy	Phó Giám đốc
Ông Trần Công Viên	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

Đỗ Hải
Giám đốc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm chi tiết cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2013

Trần Thanh Đăng Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1542/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+130+140+150	100		11.834.201.377	16.749.464.005
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.241.428.963	9.003.834.826
1. Tiền	111	5.1	2.241.428.963	9.003.834.826
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.605.900.000	1.605.900.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	1.605.900.000	1.605.900.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.794.704.574	2.087.350.887
1. Phải thu khách hàng	131		5.499.251.511	1.920.104.188
2. Trả trước cho người bán	132		180.220.000	30.250.000
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	115.233.063	136.996.699
IV- Hàng tồn kho	140		2.165.667.840	3.812.721.139
1. Hàng tồn kho	141	5.4	2.165.667.840	3.812.721.139
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		26.500.000	239.657.153
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	11.116.896
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	219.540.257
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	26.500.000	9.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		68.230.977.696	68.524.494.579
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		62.102.265.200	62.171.782.083
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	5.931.208.143	6.000.725.026
- Nguyên giá	222		18.956.458.168	18.371.299.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.025.250.025)	(12.370.574.572)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	56.171.057.057	56.171.057.057
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	6.128.712.496	6.128.712.496
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6.200.000.000	6.200.000.000
4. Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	259		(71.287.504)	(71.287.504)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	224.000.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.9	-	224.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		80.065.179.073	85.273.958.584

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		40.398.916.093	47.669.629.552
I- Nợ ngắn hạn	310		14.652.154.011	20.196.684.589
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	3.900.725.170	2.607.653.286
2. Phải trả người bán	312		708.148.036	1.845.862.369
3. Người mua trả tiền trước	313		299.024.198	3.854.015.401
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.213.409.298	2.096.839.055
5. Phải trả người lao động	315		7.496.038.878	8.854.170.151
6. Chi phí phải trả	316	5.12	472.529.553	506.129.276
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.13	369.228.730	358.360.961
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		193.050.148	73.654.090
II- Nợ dài hạn	330		25.746.762.082	27.472.944.963
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	25.746.762.082	25.746.762.082
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	126.182.881
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	1.600.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		39.666.262.980	37.604.329.032
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	39.666.262.980	37.604.329.032
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.700.000.000	21.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(111.225.851)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.048.972.837	6.402.444.826
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.922.678.010	1.322.678.010
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.965.312.133	7.261.132.047
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		80.065.179.073	85.273.958.584

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại USD		3.124,09	423.865,52

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	46.882.560.171	64.673.972.931
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		46.882.560.171	64.673.972.931
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	33.578.895.801	49.678.784.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.303.664.370	14.995.188.185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	541.387.400	1.879.032.717
7. Chi phí tài chính	22	5.19	278.466.824	1.078.577.410
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>115.420.844</i>	<i>268.253.802</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	1.463.751.029	1.842.914.921
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	4.986.091.728	5.712.889.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		7.116.742.189	8.239.839.127
11. Thu nhập khác	31		2.163.466.251	954.081.983
12. Chi phí khác	32		238.128.418	867.720.177
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	1.925.337.833	86.361.806
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 50 = 30+40)	50		9.042.080.022	8.326.200.933
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	1.354.727.924	1.508.565.360
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.9	224.000.000	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.463.352.098	6.817.635.573
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	3.439	3.142

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	
		VND	Năm 2011
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	9.042.080.022	8.326.200.933
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.526.961.196	1.580.653.510
- Các khoản dự phòng	03	-	(34.808.189)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	44.040.269	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(516.765.019)	(268.457.369)
- Chi phí lãi vay	06	115.420.844	268.253.801
3. <i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	10.211.737.312	9.871.842.686
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	(3.475.907.880)	286.789.936
- Giảm/ (Tăng) hàng tồn kho	10	1.647.053.299	(2.486.558.932)
- Giảm các khoản phải trả	11	(7.640.571.322)	5.810.198.843
- Tăng chi phí trả trước	12	11.116.896	(11.116.896)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(115.420.844)	(268.253.801)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.375.515.213)	(880.643.003)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	465.468.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.107.940.614)	(1.219.873.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD</i>	20	(2.845.448.366)	11.567.853.833
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.481.523.300)	(2.157.365.469)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	145.454.545	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	475.223.067	833.515.386
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(860.845.688)	1.676.149.917
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.616.832.525	10.490.268.287
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.343.467.019)	(15.693.652.610)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.329.132.231)	(3.371.850.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(3.055.766.725)	(8.575.234.323)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</i>	50	(6.762.060.779)	4.668.769.427
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	9.003.834.826	4.321.914.476
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(345.084)	13.150.923
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</i>	70	2.241.428.963	9.003.834.826

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 6 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 11 tháng 11 năm 2010 về tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện pháp luật.

Tên giao dịch của Công ty là PHUTHINH - NHABE GARMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: NPS

Tổng số nhân viên của Công ty bình quân trong năm là 450 người.

Trụ sở chính Công ty tại số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Mua bán nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng ngành dệt may, ngành công nghiệp, ngành điện tử, ngành công nghệ thông tin, hàng kim khí điện máy. Giặt tẩy (không tẩy, nhuộm hồ in trên sản phẩm tại trụ sở). Thêu. In trên bao bì (không in trắng bao bì kim loại tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thuỷ nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế./.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là gia công hàng may mặc.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các giao dịch và số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ về cơ bản giống như hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp, phải trả khác ngắn hạn và dài hạn, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm, phương pháp thực tế đích danh đối với nguyên vật liệu.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	07 - 15
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản Đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản Đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản Đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá Đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm.

Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	29.709.544	40.124.265
Tiền gửi ngân hàng	2.211.719.419	8.963.710.561
Tổng	2.241.428.963	9.003.834.826

5.2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
Cổ phiếu Công ty CP Dệt Việt Thắng	159.000	1.605.900.000	159.000	1.605.900.000
Tổng	159.000	1.605.900.000	159.000	1.605.900.000

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế VAT chưa kê khai khấu trừ	58.813.379	57.175.837
Nộp thừa BHXH	56.419.684	15.467.771
BHXH trả thay lương	-	64.353.091
Tổng	115.233.063	136.996.699

5.4 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	106.906.957	725.272.053
Công cụ, dụng cụ	110.240.907	171.632.074
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	201.178.028
Thành phẩm	1.948.519.976	2.714.638.984
Tổng	2.165.667.840	3.812.721.139

5.5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	26.500.000	9.000.000
Tổng	26.500.000	9.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	5.781.097.651	11.374.190.070	680.405.733	535.606.144	18.371.299.598
Tăng trong năm	-	1.481.523.300	-	-	1.481.523.300
Mua sắm	-	1.481.523.300	-	-	1.481.523.300
Giảm trong năm	-	896.364.730	-	-	896.364.730
Thanh lý	-	896.364.730	-	-	896.364.730
Số dư tại 31/12/2012	<u>5.781.097.651</u>	<u>11.959.348.640</u>	<u>680.405.733</u>	<u>535.606.144</u>	<u>18.956.458.168</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	4.039.110.482	7.351.567.584	589.341.530	390.554.976	12.370.574.572
Tăng trong năm	382.800.666	1.054.672.663	48.336.276	41.151.591	1.526.961.196
Khấu hao trong năm	382.800.666	1.054.672.663	48.336.276	41.151.591	1.526.961.196
Giảm trong năm	-	872.285.743	-	-	872.285.743
Thanh lý	-	872.285.743	-	-	872.285.743
Số dư tại 31/12/2012	<u>4.421.911.148</u>	<u>7.533.954.504</u>	<u>637.677.806</u>	<u>431.706.567</u>	<u>13.025.250.025</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	<u>1.741.987.169</u>	<u>4.022.622.486</u>	<u>91.064.203</u>	<u>145.051.168</u>	<u>6.000.725.026</u>
Tại 31/12/2012	<u>1.359.186.503</u>	<u>4.425.394.136</u>	<u>42.727.927</u>	<u>103.899.577</u>	<u>5.931.208.143</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.099.149.419 VND (tại 31/12/2011: 4.415.810.625 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2012 đã đem đi cầm cố thế chấp vay: 4.425.394.136 VND (tại ngày 31/12/2011: 2.590.133.838 VND).

5.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	56.171.057.057	56.171.057.057
Tại ngày 31 tháng 12	<u>56.171.057.057</u>	<u>56.171.057.057</u>

Dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Trong năm, dự án này chưa được tiếp tục thực hiện do tình hình thị trường bất động sản bị đóng băng, và kiến nghị môi trường ô nhiễm do Trạm trung chuyển rác gây ra tại địa chỉ số 1, Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11 chưa được giải quyết.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.8 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Đầu tư dài hạn khác		6.200.000.000		6.200.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè <1>	570.000	5.700.000.000	570.000	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch La Gi <2>	-	500.000.000	-	500.000.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	-	(71.287.504)	-	(71.287.504)
Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè	-	(71.287.504)	-	(71.287.504)
Tổng	570.000	6.128.712.496	570.000	6.128.712.496

<1> Công ty CP Bất động sản Nhà Bè được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009465, đăng ký lần đầu ngày 26/2/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 27/10/2008. Ngành nghề chủ yếu là kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản.

<2> Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch La Gi, tỷ lệ góp vốn 4,17%.

5.9 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND
Tại ngày 01/01/2011	224.000.000
Tại ngày 01/01/2012	224.000.000
Chuyển sang chi phí thuế TNDN hoãn lại trong năm 2012	(224.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	-

5.10 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.900.725.170	2.607.653.286
Tổng	3.900.725.170	2.607.653.286

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 0109/KH/12NH ngày 26 tháng 04 năm 2012.

Hạn mức cấp tín dụng: 10.000.000.000 VND;

Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;

Thời gian vay: 12 tháng;

Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu, Bảo lãnh và phát hành thư tín dụng;

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

Biện pháp đảm bảo: Khoản vay được bảo lãnh bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 0135/NHNT ngày 26 tháng 04 năm 2012 bao gồm máy móc thiết bị quyền sở hữu của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh Nhà Bè, tổng giá trị Tài sản là 4.022.622.486 đồng theo biên bản định giá ngày 26 tháng 04 năm 2012 và chứng thư bảo lãnh số 230/NBC ngày 20 tháng 4 năm 2012.

Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2012 tương đương 187.277,84 USD

5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	56.446.133	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.254.822.760	1.995.610.049
Thuế thu nhập cá nhân	99.800.068	18.888.669
Thuế nhà thầu	82.340.337	82.340.337
Tổng	1.493.409.298	2.096.839.055

5.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	283.279.553	226.129.276
Chi phí đào tạo Lean System	-	225.000.000
Trích trước chi phí dịch vụ khác	55.000.000	55.000.000
Phí thực hiện đề án bảo vệ môi trường giản đơn	15.000.000	-
Chi phí may đồng phục nhân viên	119.250.000	-
Tổng	472.529.553	506.129.276

5.13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	111.082.000	92.970.000
Phải trả cổ tức	192.751.000	192.861.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	65.395.730	72.529.961
Tổng	369.228.730	358.360.961

5.14 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền hỗ trợ không tính lãi suất của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Bè cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè để thực hiện các chi phí ban đầu của dự án xây dựng khu chung cư tại số 13A, Tổng Văn Trăn, phường 05, Quận 11 theo thỏa thuận giữa hai bên. Khoản nợ này không có phát sinh chi phí lãi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	21.700.000.000	1.029.300.000	(140.015.430)	6.168.444.826	1.088.710.010	4.918.369.474	34.764.808.880
Tăng trong năm	-	-	28.789.579	234.000.000	233.968.000	6.817.635.573	7.314.393.152
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	28.789.579	-	-	-	28.789.579
Trích lập các quỹ	-	-	-	234.000.000	233.968.000	-	467.968.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	6.817.635.573	6.817.635.573
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	4.474.873.000	4.474.873.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.219.873.000	1.219.873.000
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	3.255.000.000	3.255.000.000
Số dư tại 31/12/2011	21.700.000.000	1.029.300.000	(111.225.851)	6.402.444.826	1.322.678.010	7.261.132.047	37.604.329.032
Số dư tại 01/01/2012	21.700.000.000	1.029.300.000	(111.225.851)	6.402.444.826	1.322.678.010	7.261.132.047	37.604.329.032
Tăng trong năm	-	-	111.225.851	646.528.011	1.600.000.000	7.463.352.098	9.821.105.960
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.463.352.098	7.463.352.098
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	111.225.851	-	-	-	111.225.851
Trích lập các quỹ	-	-	-	646.528.011	1.600.000.000	-	2.246.528.011
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	7.759.172.012	7.759.172.012
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	-	1.819.172.012	1.819.172.012
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	-	1.172.644.001	1.172.644.001
Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	-	-	646.528.011	646.528.011
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	4.340.000.000	4.340.000.000
Số dư tại 31/12/2012	21.700.000.000	1.029.300.000	-	7.048.972.837	2.922.678.010	6.965.312.133	39.666.262.980

Công ty trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi và chi cổ tức năm 2011 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21 tháng 4 năm 2012. Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với số tiền 1.600.000.000 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-PTNB ngày 25 tháng 12 năm 2012 .

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty May Nhà Bè-Công ty Cổ phần	720.320	7.203.200.000	33,2%
Các cổ đông khác	1.449.680	14.496.800.000	66,8%
Tổng	2.170.000	21.700.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	21.700.000.000	21.700.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	21.700.000.000	21.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.340.000.000	3.255.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.170.000	2.170.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.170.000	2.170.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.170.000</i>	<i>2.170.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành VND/CP</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.048.972.837	6.402.444.826
Quỹ dự phòng tài chính	1.322.678.010	1.322.678.010

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để mở rộng sản xuất, mua sắm tài sản cố định mới để phát triển sản xuất, bổ sung vốn lưu động.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để dự phòng những trường hợp gặp rủi ro thua lỗ trong kinh doanh, gặp thiên tai, hỏa hoạn... hoặc bổ sung vốn kinh doanh từ quỹ dự phòng tài chính nếu sử dụng không hết.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.16 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu gia công nội địa	16.531.915.647	13.182.269.894
Doanh thu gia công xuất khẩu	20.317.646.771	17.382.596.116
Doanh thu làm hàng nội địa	766.740.511	1.034.349.206
Doanh thu làm hàng xuất khẩu	6.726.989.326	29.683.044.239
Doanh thu đưa ngoài gia công	2.260.228.846	3.076.289.385
Doanh thu khác	279.039.070	315.424.091
Tổng	46.882.560.171	64.673.972.931

5.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn gia công nội địa	13.026.929.302	9.088.259.801
Giá vốn gia công xuất khẩu	11.696.334.220	10.237.210.749
Giá vốn làm hàng nội địa	564.838.502	614.008.357
Giá vốn làm hàng xuất khẩu	5.987.261.303	27.752.617.931
Giá vốn đưa ngoài gia công	1.814.383.300	1.980.825.908
Giá vốn khác	489.149.174	5.862.000
Tổng	33.578.895.801	49.678.784.746

5.18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	141.323.067	15.515.386
Thu nhập từ thanh lý đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt May Đồng Á	-	500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	333.900.000	318.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.164.333	1.045.517.331
Tổng	541.387.400	1.879.032.717

5.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	115.420.844	268.253.802
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	119.005.711	845.131.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	44.040.269	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	71.287.504
Tổng	278.466.824	1.078.577.410

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí bao bì	618.194.272	754.252.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	845.556.757	1.088.662.271
Tổng	1.463.751.029	1.842.914.921

5.21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.612.225.086	4.137.482.659
Chi phí vật liệu quản lý	118.699.009	83.311.391
Chi phí khấu hao TSCĐ	89.487.867	67.891.472
Thuế, phí và lệ phí	11.002.000	23.287.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.404.483	430.539.468
Chi phí bằng tiền khác	741.273.283	970.376.794
Tổng	4.986.091.728	5.712.889.444

**5.22 THU NHẬP KHÁC/ CHI PHÍ KHÁC
THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ	145.454.545	-
Thu nhập từ bán phế liệu	164.361.419	194.663.547
Khách hàng thanh toán thừa	29.581.927	126.597.378
Phạt vi phạm hợp đồng	-	45.958.000
Thu hồi tiền đào tạo công nhân nghỉ việc	7.134.231	45.075.635
Chi phí xuất khẩu	139.392.087	155.684.312
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.600.000.000	-
Thu nhập từ sửa hàng	-	232.540.707
Khách hàng hỗ trợ chuyển do chậm cung ứng nguyên vật liệu	-	96.552.675
Thu nhập khác	77.542.042	57.009.729
Tổng	2.163.466.251	954.081.983
Chi phí khác		
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	24.078.987	-
Chi phí dự án Xí nghiệp may Bảo Lộc	-	565.058.017
Chi phí thanh lý nguyên liệu	-	50.000.000
Khách hàng thanh toán thiếu	110.181.869	138.342.267
Chi phí đối ngoại	53.400.000	57.700.000
Chi phí khác	50.467.562	56.619.893
Tổng	238.128.418	867.720.177
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	1.925.337.833	86.361.806

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.23 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	9.042.080.022	8.326.200.933
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	633.122.399	612.172.555
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>336.134.130</i>	<i>338.157.055</i>
<i>Lương, thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia SXKD</i>	<i>252.948.000</i>	<i>274.015.500</i>
<i>Lỗ CLTG do đánh giá lại cuối kỳ</i>	<i>44.040.269</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	1.933.900.000	318.000.000
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>333.900.000</i>	<i>318.000.000</i>
<i>Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm</i>	<i>1.600.000.000</i>	-
Thu nhập chịu thuế	7.741.302.421	8.620.373.488
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>
<i>Thuế TNDN phải nộp</i>	<i>1.935.325.606</i>	<i>2.155.093.372</i>
<i>Thuế TNDN được giảm 30%</i>	<i>580.597.682</i>	<i>646.528.012</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.354.727.924	1.508.565.360

Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn giảm trừ thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Công ty được giảm thuế 30% cho năm 2012.

5.24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.463.352.098	6.817.635.573
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.463.352.098	6.817.635.573
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.170.000	2.170.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.439	3.142

5.25 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.658.453.156	20.878.954.608
Chi phí nhân công	24.980.040.577	26.657.216.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.529.365.306	1.580.653.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.028.124.254	7.460.624.869
Chi phí khác bằng tiền	2.676.042.445	2.696.985.774
Tổng	39.872.025.738	59.274.435.369

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Lương, thưởng thù lao	1.708.443.200	822.038.820

Giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết về các bên liên quan khác				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Mua hàng				
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	Công ty liên kết	Thuê máy	50.374.000	56.304.000
		Chi phí gia công	98.437.262	764.281.463
		Mua máy móc thiết	23.000.000	-
		Chi phí xuất trả hàng	5.450.000	4695087
		Chi phí kiểm hàng	-	2.557.208
Bán hàng				
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	Công ty liên kết	May gia công	9.406.755.080	3.314.086.563

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	Công ty liên kết	Công nợ phải thu	2.343.627.803	1.835.760.420
		Công nợ phải trả	813.431	775.031.377

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.9, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.241.428.963	9.003.834.826
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.614.484.574	2.057.100.887
Đầu tư ngắn hạn	1.605.900.000	1.605.900.000
Đầu tư dài hạn	6.128.712.496	6.128.712.496
Tổng	15.590.526.033	18.795.548.209
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	3.900.725.170	2.607.653.286
Phải trả người bán và phải trả khác	1.077.376.766	2.204.223.330
Chi phí phải trả	472.529.553	506.129.276
Phải trả dài hạn khác	25.746.762.082	25.746.762.082
Tổng	31.197.393.571	31.064.767.974

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.840.968.075	2.607.653.286	2.769.271.625	10.714.426.928
Tổng	2.840.968.075	2.607.653.286	2.769.271.625	10.714.426.928

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	3.900.725.170	-	3.900.725.170
Phải trả người bán và phải trả khác	1.077.376.766	25.746.762.082	26.824.138.848
Chi phí phải trả	472.529.553		472.529.553
	5.450.631.489	25.746.762.082	31.197.393.571
Tại 1/1/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	2.607.653.286	-	2.607.653.286
Phải trả người bán và phải trả khác	2.204.223.330	25.746.762.082	27.950.985.412
Chi phí phải trả	506.129.276	-	506.129.276
	5.318.005.892	25.746.762.082	31.064.767.974

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Tại 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	2.241.428.963	-	2.241.428.963
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.614.484.574	-	5.614.484.574
Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.605.900.000	6.128.712.496	7.734.612.496
	9.461.813.537	6.128.712.496	15.590.526.033

Tại 1/1/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	9.003.834.826	-	9.003.834.826
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.057.100.887	-	2.057.100.887
Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.605.900.000	6.128.712.496	7.734.612.496
	12.666.835.713	6.128.712.496	18.795.548.209

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam(CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải